

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Duy Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2025/TLST – HNGĐ ngày 15/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; CCCD số: 042189017321; Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố K, phường H, tỉnh Hà Tĩnh

Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Đức H, sinh năm 1981; CCCD số: 042081005661; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Địa chỉ: tổ dân phố K, phường H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Dương Đức H kết hôn vào ngày 09/9/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường H, tỉnh Hà Tĩnh), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, được thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra một số mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ tháng 05 năm 2025 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân không còn ăn chung, ngủ chung, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách không hòa hợp, anh H có tính cách gia trưởng, vũ phu về nhà chửi bới, xúc phạm, đánh đập và sống thiếu tôn trọng vợ, con. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Dương Đức H.

Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung là Dương Nguyễn Đức D1, sinh ngày 15/3/2012 và con Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2013. Hiện con Dương Thị Ngọc Á đang sống chung với chị T ở thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh. Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Thị Ngọc Á. Giao con chung Dương Nguyễn Đức D1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T, anh H không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Hiện chị Nguyễn Thị T là giáo viên, thu nhập từ lương, phụ cấp 10.700.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị T, anh Dương Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Dương Đức H trình bày:*

Về thời gian, điều kiện kết hôn và sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Anh H cũng thừa nhận quá trình chung sống anh, chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ, chồng tính cách không hòa hợp, khắc khẩu. Bản thân anh H nóng nảy nên có đôi lúc xúc phạm đến vợ. Năm 2021, từ khi anh H xuất ngũ về sinh sống tại địa phương thì vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không còn ngủ chung. Từ Tháng 5/2025 vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát nên chị T cùng con gái bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Tuy nhiên, bản thân anh H vẫn còn tình cảm với chị T, anh H mong muốn vợ chồng về suy nghĩ lại, khắc phục khuyết điểm để đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái, anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H, chị T có 02 con chung là Dương Nguyễn Đức D1, sinh ngày 15/3/2012 và con Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2013. Hiện con Dương Nguyễn Đức D1 đang sống chung với anh H, còn con Dương Thị Ngọc Á đang sống chung với chị T. Anh H đồng ý là anh được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung Dương Nguyễn Đức D1, còn chị T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung Dương Thị Ngọc Á. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh H, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: anh H, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Dương Nguyễn Đức D1, sinh ngày 15/3/2012 cho anh Dương Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với anh Dương Đức H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung”. Anh Dương Đức H có địa chỉ tại tổ dân phố K, phường H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường H, tỉnh Hà Tĩnh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Thanh N thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin được ly hôn. Anh Dương Đức H thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Tuy nhiên, anh H nhận thấy bản thân tính cách nóng nảy, có đôi lúc xúc phạm đến vợ. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh H mong muốn vợ chồng suy nghĩ lại để về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái, anh H không đồng ý ly hôn; xác minh tại địa phương nơi anh Dương Đức H cư trú xác nhận: khoảng 03 năm lại đây, kể từ ngày anh Dương Đức H ra quân thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Từ tháng 5/2025 thấy chị T và con gái bỏ về nhà ngoại sinh

sống, anh H và con trai thì sinh sống tại tổ dân phố. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng thì tổ dân phố không nắm được. Hiện chị T làm đơn xin ly hôn thì tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra mâu thuẫn như cãi vã, xúc phạm và sống thiếu tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Đức H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H đều thừa nhận vợ chồng có 02 Dương Nguyễn Đức D1, sinh ngày 15/3/2012 và con Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2013. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Dương Thị Ngọc Á. Con Dương Nguyễn Đức D1 giao cho anh Dương Đức H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Dương Đức H cũng đồng ý với ý kiến của chị T về người trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T, anh H có thu nhập, chỗ ở ổn định, con từ nhỏ sống với anh, chị được cho đi học và chăm sóc chu đáo. Bản thân con Dương Nguyễn Đức D1 hiện đang sống chung với anh H và có nguyện vọng là được ở với anh H. Con Dương Thị Ngọc Á đang ở với chị T và có nguyện vọng được ở với chị T. Vì vậy, để đảm bảo nguyện vọng của các cháu, cũng như ổn định về chỗ ở, nơi học tập của các cháu. Cần giao cháu Dương Thị Ngọc Á cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Dương Nguyễn Đức D1 cho anh Dương Đức H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H không ai có yêu cầu phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét. Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp

trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Dương Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Thị Ngọc Á, sinh ngày 29/5/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Dương Nguyễn Đức D1, sinh ngày 15/3/2012 cho anh Dương Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Đức H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị T, anh Dương Đức H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Đức H không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000814 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV1 - HT;
- TAND Tỉnh HT;
- Phòng T.H.A.D.S KV1 - HT;
- Các đương sự;
- UBND phường Hà Huy Tập, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng

